

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-PT

Ngày: 12/8/2019

"V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng  
thế chấp tài sản vô hiệu".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà; bà Nguyễn Thị Hải Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019, về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DSST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47B/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2019. Giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V.

Địa chỉ: Khối 9, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 4, đường L, khối P, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

**2. Bị đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 7, đường T, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công D; sinh năm 1981; chức vụ: Phó trưởng phòng xử lý nợ tại Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Nghệ An (theo giấy ủy quyền số 157/UQ-TGD ngày 23/6/2016). Có mặt.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty cổ phần xây dựng G

Địa chỉ cũ: số 65, đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ mới: Số 123, đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T; chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ: Khối 22, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.  
Do có kháng cáo của bị đơn Ngân hàng TMCP S.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Việt S Cúc trình bày: Ngày 03/4/2010 bà Lê Thị C cùng với hai con là anh Trần Khắc C, Trần Khắc V có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 71/2010/HĐTC/SHNNA/QB ngày 03/4/2010 cho Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Nghệ An (sau đây gọi tắt là công ty) vay số tiền 1.200.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, chi tiết cụ thể thì theo hợp đồng tín dụng số 71/2010/HĐTDNH-PN/SHB NA/QB ngày 03/4/2010. Tuy nhiên, khi gia đình bà C đồng ý thế chấp tài sản cho Công ty thủy lợi thì ông T (giám đốc công ty) có hứa với gia đình bà C là hẹn sau một năm sẽ trả lại tài sản thế chấp cho bà C. Tuy nhiên hết thời hạn trên gia đình bà C đã đến gặp ông T yêu cầu ông T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông T có khất lần. Đến khi Ngân hàng khởi kiện thì gia đình bà C mới được biết là ông T cùng với Ngân hàng đã tùy ý đưa tài sản của gia đình bà C để thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 888/2013/HĐHM-PN/SHB NA/QB ngày 04/02/2013. Việc tài sản của gia đình bà C thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 888/2013/HĐHM-PN/SHB NA/QB ngày 04/02/2013 thì gia đình bà C hoàn toàn không được biết và gia đình bà C không đồng ý thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 888/2013/HĐHM-PN/SHB NA/QB ngày 04/02/2013. Nay gia đình bà C yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 71/2010/HĐTDNH-PN/SHB NA/QB ngày 03/4/2010. Buộc Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 110 tờ bản đồ số 12 được UBND thành phố V cấp ngày 08/10/2002 cho bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), trình bày: Ngân hàng thừa nhận vào ngày 03/4/2010 Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn cho hợp đồng tín dụng số 71/2010/HĐTDNH-PN/SHB NA/QB cho Công ty thủy lợi vay số tiền 1.200.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Lê Thị C, tại khối 9, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến năm 2013, Ngân hàng tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 888/2013/HĐHM-PN/SHB NA/QB ngày 04/02/2013, theo hợp đồng này Ngân hàng cho Công ty thủy lợi vay số tiền 6.900.000.000đ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay thì có nhiều tài sản, trong đó có tài sản là Quyền sử dụng đất số U 794451 do UBND thành phố V cấp ngày 08/10/2002 tại khối 9, phường H, thành phố V, tờ bản đồ số 12, thửa spspo 112 thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị C. Tài sản này đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 71/2010/HĐTDNH-PN/SHB NA/QB ngày 03/04/2010, số công chứng 947/2010/VPCCV, quyền số 01/VPCC/HĐGD tại Văn

phòng công chứng ngày 03/4/2010 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, UBND thành phố V ngày 03/4/2010.

Nay bà C, anh V, anh C cho rằng tài sản của gia đình bà không đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 888/2013/HĐHM-PN/SHB NA/QB ngày 04/02/2013 là không đúng và bà C, anh V, anh C yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 71 ngày 03/4/2010. Buộc Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà C thì Ngân hàng không đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng đề nghị xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xây dựng G trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai được.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 347, 343, 344, 350, 410, 715, 718, 719 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V.

2. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB ngày 03/4/2010 được ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Nghệ An, PGD Quán Bàu với bên thế chấp là bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V; bên vay vốn là Công ty cổ phần xây dựng G để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 888/2013/HĐHM-PN/SHB NA/QB ngày 04/02/2013 là vô hiệu.

Buộc Ngân hàng TMCP S, phải trả lại cho bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U7794451 do UBND thành phố V cấp ngày 08/10/2002 đứng tên bà Lê Thị C.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 Ngân hàng TMCP S kháng cáo, với nội dung: Đề nghị tuyên buộc tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần xây dựng G. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện nguyên đơn không đồng ý nội dung kháng cáo của của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Ngân hàng không chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm xử lý vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn, bị đơn, và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh nguồn gốc đất và hàng thừa kế tài sản của ông Minh chồng bà C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V vắng mặt đã ủy quyền cho ông Nguyễn Việt S tham gia tố tụng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xây dựng G Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập các đương sự hợp lệ lần thứ 2, căn cứ theo qui định của pháp luật, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Về quan hệ tranh chấp pháp luật: Tại thời điểm thụ lý vụ án Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng G thanh toán khoản nợ và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo. Vì vậy Tòa án đã thụ lý vụ án theo tranh chấp về kinh doanh thương mại là đúng. Ngày 15/01/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V làm đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB ngày 03/04/2010 là vô hiệu và buộc Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C, anh C, anh V. Đến ngày 26/03/2018 Ngân hàng đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C, anh C, anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn và thay đổi tư cách người tham gia tố tụng theo đúng qui định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ Dân sự về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Về tư cách tham gia tố tụng: Do nguyên đơn Ngân hàng TMCP S rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V giữ nguyên yêu cầu độc lập nên bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V tham gia với tư cách là nguyên đơn, Ngân hàng TMCP S là bị đơn, Công ty cổ phần xây dựng G là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Ngân hàng về tài sản thế chấp, thấy rằng:

Ngày 03/04/2010 Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 71/2010/HĐTDNH-PN/SHBNA/QB cho Công ty cổ phần xây dựng G vay số tiền 1.200.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng. Cùng ngày, Ngân hàng ký hợp đồng thế chấp số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB với bà Lê Thị C, anh Trần Khắc V, anh Trần Khắc C về tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 112, tờ bản đồ số 12, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U794451 do UBND thành phố V cấp ngày 08/10/2002 đứng tên bà Lê Thị C tại khối 9, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đại diện Ngân hàng xác nhận khoản vay này Công ty đã tất toán vào ngày 30/3/2011.

Ngày 03/02/2011, Ngân hàng lại tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 375/2011/HĐHM-DN/SHB NA/QB, cho Công ty vay số tiền 6.000.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm nhiều tài sản, trong đó có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB ngày 03/4/2010 (nhà và đất của bà C, anh C, anh V). Đại diện Ngân hàng xác nhận khoản vay này Công ty đã tất toán vào ngày 22/5/2012.

Ngày 04/02/2013, Ngân hàng lại tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 888/2013/HĐHM-DN/SHB NA/QB cho Công ty vay số tiền 7.000.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng. Ngân hàng đã giải ngân theo hai khế ước nhận nợ số 06.888/2013/SHB/QB ngày 13/11/2013 và khế nhận nợ số 07.888/2012/SHB NA/QB ngày 21/4/2014, tổng số tiền của hai khế ước nhận nợ là 6.900.000.000đ. Tài sản đảm bảo cho khoản này gồm nhiều tài sản, trong đó có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB ngày 03/4/2010 (nhà và đất của bà C, anh C, anh V). Hợp đồng tín dụng này Công ty chưa thanh toán khoản vay cho Ngân hàng.

Ngân hàng nại rằng khi ký kết hợp đồng thế chấp thì tại Điều 1 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB ngày 03/4/2010, có quy định: *“Nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ trả nợ của bên C quy định tại Hợp đồng tín dụng số 71/HĐTD/TDH-DN/SHB NA/QB và các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh sẽ ký giữa bên C và bên A....”*. Theo đó, Ngân hàng cho rằng ngoài hợp đồng tín dụng số số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB ngày 03/4/2010 thì tài sản thế chấp của gia đình bà C có nghĩa vụ bảo đảm tất cả các khoản nợ phát sinh giữa Công ty và Ngân hàng trước và sau khi ký hợp đồng tín dụng số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB mà không cần phải phải ký phụ lục hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm mới.

Quan điểm của của Ngân hàng đưa ra như vậy là chưa đúng với qui định của pháp luật, theo qui định tại khoản 2 Điều 324 Bộ luật dân sự năm 2005: *“Trong trường hợp một tài sản được đảm bảo thực hiện nhiều nghĩa vụ thì bên bảo đảm phải thông báo cho bên nhận bảo đảm sau biết về việc tài sản bảo đảm được dùng*

để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác; mỗi lần bảo đảm phải được lập thành văn bản” và khoản 1 Điều 44 Luật công chứng năm 2006: “1. Việc sửa đổi, bổ sung hủy bỏ hợp đồng giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó và phải được công chứng” thì việc bị đơn tiếp tục thực hiện dùng tài sản bảo đảm của nguyên đơn để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty tại hợp đồng tín dụng 888/2013/HĐHM-PN/SHB NA/QB ngày 04/02/2013 nhưng không có ý kiến của bà C, anh C, anh V, Ngân hàng và Công ty cổ phần xây dựng G cũng không thông báo cho bà C, anh C, anh V về việc tài sản gia đình bà bảo lãnh cho Hợp đồng tín dụng 888/2013 trên đây và không tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm là vi phạm quy định tại Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/12/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và không đúng qui định của Điều 324 BLDS 2005 và Điều 44 Luật công chứng năm 2006.

Từ qui định nêu trên của pháp luật, có cơ sở xác định Hợp đồng thế chấp số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB ngày 03/4/2010 để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên vay là Công ty cổ phần xây dựng G tại hợp đồng tín dụng số 888/2013/HĐHM-PN/SHB NA/QB ngày 04/02/2013 là vô hiệu. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ngân hàng TMCP S, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh nguồn gốc đất, hàng thừa kế thứ nhất là không cần thiết vì đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp về thừa kế trong vụ án này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên Ngân hàng TMCP S phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của Ngân hàng TMCP S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 347, 343, 344, 350, 410, 715, 718, 719 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V.

Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 71/2010/HĐTC/SHBNA/QB ngày 03/4/2010 được ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Nghệ An, phòng giao dịch Quán Bàu với bên thế chấp là bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V; bên vay vốn là Công ty cổ phần xây dựng G để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 888/2013/HĐHM-PN/SHBNA/QB ngày 04/02/2013 là vô hiệu.

Buộc Ngân hàng TMCP S, phải trả lại cho bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U7794451 do UBND thành phố V cấp ngày 08/10/2002 đứng tên bà Lê Thị C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí:

\* Án phí sơ thẩm: Ngân hàng TMCP S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí 57.100.000đ theo biên lai số 0000293 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh. Sau khi trừ tiền án phí 300.000đ, trả lại cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí 56.800.000đ (năm mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng) .

- Trả lại cho bà Lê Thị C, anh Trần Khắc C, anh Trần Khắc V số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai số 0002189 ngày 15/03/2018 (do ông Nguyễn Việt S nộp thay).

\*Án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003002 ngày 05/12/2018 tại Chi cục thi hành dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND TP.Vinh
- THADS TP.Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA.

**Nguyễn Đăng Phòn**